

Số: 244/QĐ-KHVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu
“Công dân học tập” giai đoạn 2021 – 2030**

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 122/TTg ngày 29/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Hội Khuyến học Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 8/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021- 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”;


Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 3/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 – 2030”;

Theo đề nghị của Thường trực Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021 – 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chấp hành Trung ương Hội, Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn của cơ quan Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhân:

- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng CP Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để ph/h);
- Bộ Tài chính (để ph/h);
- Các Bộ, ngành, tổ chức Chính trị, Xã hội liên quan đến Quyết định 677/QĐ-TTg;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

**TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Doan

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

**BỘ TIÊU CHÍ – HƯỚNG DẪN
ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN DANH HIỆU “CÔNG DÂN HỌC TẬP”
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022)



I. BỘ TIÊU CHÍ “CÔNG DÂN HỌC TẬP”

Bộ tiêu chí khung và chỉ số đánh giá mô hình “Công dân học tập”

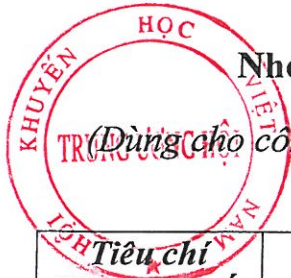
Tiêu chí khung	Chỉ số đánh giá (các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị nhằm trang bị kiến thức cho bản thân	10
	4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho cộng đồng và xã hội.	10
	8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động, học tập và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
	Tổng điểm tối đa	100



Nhóm 1. Tiêu chí và chỉ số đánh giá Công dân học tập

(Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)

Tiêu chí (<i>Năng lực cốt lõi</i>)	Chỉ số đánh giá (<i>Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn</i>)	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Hàng ngày dành thời gian hợp lý để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động...	10
	2. Tham gia học tập tại Trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề tham gia các khóa huấn luyện ... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.	10
	3. Biết sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc hoạt động của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã.	10
	4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, bà con trong cộng đồng... học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử).	10
	6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc, hoặc các quy tắc an toàn... trong cuộc sống.	10
	7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.	10
	8. Biết tính toán, suy nghĩ, phân tích, đánh giá tác động của các yếu tố đến một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Thân thiện, hòa đồng với mọi người trong cộng đồng; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Tham gia giữ gìn an ninh trật tự đảm bảo an toàn giao thông.	10
	10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100



Nhóm 2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá Công dân học tập

(Dùng cho công nhân, lao động tiểu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng, lao động tự do...)

Tiêu chí (<i>Năng lực cốt lõi</i>)	Chỉ số đánh giá (<i>Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn</i>)	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại, thiết bị điện tử cầm tay.	10
	2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của đơn vị, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học....	10
	3. Sắp xếp công việc hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng.	10
	4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị điện tử để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, nâng cao tay nghề.	10
	6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất.	10
	7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học; cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp.	10
	8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp hợp lý trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội.	10
	10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ khi đồng nghiệp gặp khó khăn, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường, thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
Tổng cộng		100



Nhóm 3. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập

(Dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp,...)

Tiêu chí (<i>Năng lực cốt lõi</i>)	Chỉ số đánh giá (<i>Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn</i>)	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
	2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của bản thân.	10
	4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán thông qua thiết bị điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến; không vi phạm các quy định về an ninh, an toàn khi sử dụng mạng.	10
	6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm.	10
	7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, có sáng kiến, đổi mới sáng tạo để công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...	10
	8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phản biện: Khả năng phân tích vấn đề rõ ràng, hợp lý, toàn diện, khách quan, logic và phát triển... áp dụng trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. Ứng xử có văn hóa với người nói ngôn ngữ khác.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường. thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
Tổng cộng		100



II. HƯỚNG DẪN

Triển khai đánh giá, công nhận Danh hiệu “Công dân học tập”

Theo Quyết định 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ

(Sau đây gọi là Chương trình 677)

Việc đánh giá, công nhận Danh hiệu “Công dân học tập” trong Chương trình 677 khác với việc đánh giá công nhận các mô hình học tập trong Chương trình 387: Nếu các mô hình học tập trong Chương trình 387 là những mô hình nằm trên địa bàn hành chính cấp xã, người dân tham gia xây dựng các mô hình đó là cư dân trên địa bàn, thì đối tượng tham gia xây dựng mô hình “Công dân học tập” trong Chương trình 677 đề cập phạm vi rộng hơn bao gồm tất cả cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, công nhân, nhân viên kỹ thuật thuộc các doanh nghiệp, quân nhân trong lực lượng vũ trang và lao động tự do... trong toàn xã hội.

Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam xây dựng và ban hành **Bộ tiêu chí khung** về mô hình “Công dân học tập”; việc áp dụng tiêu chí cho đối tượng nào sẽ theo các Bộ tiêu chí riêng, bao gồm những chỉ số đánh giá phù hợp với trình độ văn hóa, trình độ học vấn chuyên môn - nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện sống và công việc của mỗi cá nhân, phù hợp với từng cơ quan, đơn vị và đặc thù mỗi địa phương.

A. Quan điểm chỉ đạo

1. Mỗi công dân học tập là người biết tự học và coi trọng việc học tập; thông qua học tập suốt đời để thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn - nghề nghiệp, hoàn thiện tay nghề, có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, có ý thức lập thân, lập nghiệp nhằm cải thiện đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, hướng tới công dân số, đóng góp tích cực cho xã hội.

2. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội do xã hội mang lại để biến tri thức của nhân loại thành kiến thức của mình; tương tác, tạo điều kiện để người khác cùng học tập hiệu quả, góp phần xây dựng xã hội học tập, hướng tới xã hội số.

3. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang, cộng đồng dân cư... có trách nhiệm thực hiện tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về khuyến học, khuyến tài và thực hiện các mô hình học tập, khuyến khích, tạo cơ hội công bằng và điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, nhất là các đối tượng chính sách, những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội.

B. Nguyên tắc chung

- Đánh giá “Công dân học tập” bằng hình thức cho điểm; Mỗi chỉ số đánh giá cho điểm từ 1 đến 10, tổng điểm tối đa của 10 chỉ số sẽ là 100;

- Những người đạt từ 80 điểm trở lên (riêng đối với những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đạt từ 70 điểm trở lên), trong đó không có chỉ số nào đạt điểm dưới 5 được công nhận là “Công dân học tập”; những người đạt danh hiệu CDHT 5 năm liền được ghi nhận là CDHT tiêu biểu;

- Hồ sơ kê khai là bản tự đánh giá, cho điểm theo mẫu (kèm theo Kế hoạch số 196/KH-KHVN ngày 16/6/2022): Cá nhân tự kê khai, thu thập minh chứng, cho điểm, gửi hồ sơ cho Chi hội khuyến học của địa phương để được xem xét, tập hợp danh sách và báo cáo Hội Khuyến học cấp xã/phường (Hội cơ sở); Hội Khuyến học cấp xã xác nhận, trình UBND cùng cấp ra quyết định công nhận danh sách các cá nhân đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

- Đối với cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị do cấp huyện, tỉnh, trung ương quản lý, thì nộp bản tự đánh giá cho Ban khuyến học cơ quan, đơn vị để được Thủ trưởng đơn vị xem xét, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”; Nếu đơn vị chưa có Ban khuyến học thì có thể đề nghị tổ chức Công đoàn (hoặc Đoàn Thanh niên) phối hợp, xác nhận và trình Thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận.

- Hàng năm, Hội Khuyến học các cấp (xã, huyện, tỉnh) tổng hợp hồ sơ, danh sách công nhận Danh hiệu Công dân học tập theo quy định tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo cấp trên và Trung ương Hội theo quy định.

C. Hướng dẫn đánh giá theo các bộ tiêu chí

1. Các cá nhân đăng ký phấn đấu đạt Danh hiệu “Công dân học tập” sẽ được xếp vào 1 trong 3 loại đối tượng với 3 Bộ tiêu chí tương ứng là:

a) Bộ tiêu chí dùng cho nông dân và lao động nông thôn.

b) Bộ tiêu chí dùng cho công nhân, lao động thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng, lao động tự do...

c) Bộ tiêu chí dùng cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên... từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp, lực lượng vũ trang.

Lưu ý:

- Học sinh phổ thông, sinh viên đang học cao đẳng, đại học hệ chính quy... chưa phải là đối tượng đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- Đối với cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang: Thực hiện theo các quy định của Nhà nước đối với vị trí mà quân nhân đảm nhiệm. Trong khi chưa có bộ tiêu chí riêng thì căn cứ Bộ tiêu chí khung, nhóm 3, lãnh đạo chỉ huy đơn vị từ cấp Trung đoàn hoặc tương đương ban hành tiêu chí cho phù hợp với nhiệm vụ đơn vị.

- Đối với người đã về hưu, người cao tuổi: Ngoài các năng lực, chỉ số đã được hình thành theo ngành nghề trong quá trình còn công tác, chủ yếu cần quan tâm nhiều hơn đến các chỉ số như tích cực học tập để nâng cao kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe bản thân, quan tâm đến gia đình và xã hội, tích cực động viên mọi người tham gia xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, giữ gìn đoàn kết, an ninh, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường...

2. “Công dân học tập” là *yếu tố chất lượng mới* của các mô hình học tập cấp xã, đồng thời là điều kiện cần thiết để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao của từng địa phương, do đó tỷ lệ 40% số người trong gia đình và 60% số người trong đơn vị phải bảo đảm tuyệt đối. Nếu tỷ lệ này không được bảo đảm thì số điểm đánh giá công dân học tập trong các mô hình học tập cấp xã sẽ bằng 0 điểm.

3. Cơ bản việc đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” căn cứ vào bản tự kê khai, đánh giá của cá nhân. Các Chi hội/Ban khuyến học phối hợp với Tổ dân phố (thôn, bản...)/cơ quan, đơn vị... sẽ thẩm định hồ sơ thông qua bản tự kê khai của cá nhân, đánh giá mức độ hoàn thành 10 chỉ số để xác nhận kết quả.

4. Việc tự đánh giá, cho điểm, thu thập hồ sơ cá nhân phấn đấu đạt danh hiệu “Công dân học tập” cũng như cách xác định mức độ đạt được của các chỉ số sẽ thực hiện thí điểm trên máy tính kể từ quý I/2023. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc xử lý kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” theo Chương trình 677 sẽ có hướng dẫn riêng.

5. Trên cơ sở Bộ tiêu chí khung, các Hội địa phương có thể xây dựng các Bộ tiêu chí cụ thể, áp dụng linh hoạt cho từng nhóm đối tượng người dân trên địa bàn quản lý sao cho phù hợp, dễ nhớ, dễ làm, chính xác, hiệu quả, đảm bảo chất lượng mô hình, động viên được tinh thần tự học, ham học, chia sẻ kinh nghiệm học tập, lao động của cộng đồng dân cư.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình 677, nếu có vướng mắc phát sinh, Hội Khuyến học các cấp trao đổi, tổng hợp ý kiến, báo cáo Trung ương Hội xem xét, điều chỉnh phù hợp.

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM